#### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CP SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH**

**Năm 2014**

I. THÔNG TIN CHUNG

 Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định theo Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, họat động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 3503000141 ngày 02 tháng 07 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 07 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/05/2012 với mã số doanh nghiệp 4100259437.

Công ty là đơn vị thành viên của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

Ngày 25/12/2009, Công ty đã niêm yết cổ phiếu với mã chứng khoán là BDB tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày giao dịch đầu tiên là 29/01/2010

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 11.264.740.000đồng tương ứng: 1.126.474 cổ phiếu.

* + Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ BÌNH ĐỊNH**
	+ Tên tiếng Anh: Binh Đinh Book and Equipment Joint Stock Company
	+ Tên viết tắt: BIDIBOOK
	+ Địa chỉ: 219 Nguyễn Lữ TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
	+ Điện thoại: 056.3522645 – 056.3522453
	+ Fax: 056.3522853
	+ Email : **bidisabico@vnn.vn**
	+ Website: [**http://www.sachthietbibinhdinh.com.vn/**](http://www.sachthietbibinhdinh.com.vn/)
	+ Logo:



 **BIDIBOOK**

+ ***Ngành nghề kinh doanh chính***

* Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm ( Chi tiết: Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm)
* Khách sạn
* Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống
* Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
* Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
* Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại
* Mua bán văn hóa phẩm, vật phẩm văn hóa;
* In lụa;
* Sản xuất và mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề, thiết bị điện tử, vi tính, công nghệ thông tin, phần mềm tin học và thiết bị văn phòng;
* Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
* Sản xuất và mua bán bao bì các loại, sản phẩm gỗ;
* Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em;
* Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.

 *(Hoạt động phải đảm bảo điều kiện và Giấy phép kinh doanh theo quy định)*

- Trụ sở chính của Công ty có diện tích gần 3.000m2  tọa lạc tại thành phố Quy Nhơn – trung tâm tỉnh lỵ, Công ty có 10 cửa hàng bán sỉ – lẻ nằm tại trung tâm thành phố và phân bổ đều tại trung tâm các huyện của Tỉnh .

**- Cơ cấu tổ chức của công ty :**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG**

**CỔ ĐÔNG**

**BAN KIỂM SOÁT**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Phòng

Tổ chức

– Hành chánh

Phòng

Kế toán

Phòng nghiệp vụ kinh doanh Thiết bị, SX bảng chống loá, đồ gỗ

Phòng nghiệp vụ kinh doanh Sách

10 cửa hàng

 ở các huyện và thành phố

+ Đại hội Đồng cổ đông : là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

+ Hội đồng quản trị : Gồm có 05 người.

+ Ban Kiểm soát : Gồm có 03 người.

+ Ban Giám đốc và Kế toán trưởng : Ban Giám đốc Công ty có 2 người (1 Giám đốc và 1 Phó Giám đốc) và 1 Kế toán trưởng.

+ Cơ cấu Công ty gồm :

* 04 phòng chức năng : Phòng kinh doanh Sách, Phòng kinh doanh Thiết bị - SX bảng chống loá và đồ gỗ, phòng Tài chính – Kế toán và phòng Tổ chức – Hành chính;
* 10 cửa hàng được phân bố đều các huyện và thành phố

 **Định hướng phát triển**

**+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :**

Không ngừng mở rộng và phát triển các ngành nghề thuộc lĩnh vực hoạt động, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội, tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

**+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

* Tăng cường và đầu tư thích đáng về mọi mặt cho hoạt động tiếp thị để chiếm lĩnh thị trường, nâng cao doanh thu, thu nhập;
* Bằng nhiều biện pháp, để mở rộng hệ thống bán lẻ, nhà sách;
* Mở rộng ngành nghề kinh doanh, tận dụng những lợi thế sẵn có của Công ty nhằm tăng doanh thu, thu nhập.
* Tinh giảm biên chế, tăng năng suất lao động.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

***1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh***

**+ Kết quả hoạt động SXKD trong năm**

Năm 2014, nền kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, giá cả đầu vào tăng đặc biệt là chi phí vận chuyển hàng hoá, sức mua giảm sút, nhưng với tinh thần chịu khó của toàn thể CBNV, Công ty đã cố gắng tìm mọi biện pháp để vượt qua, đã hoàn thành kế hoạch doanh thu .Cụ thể các chỉ tiêu như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | TH 2013(1.000đ) | KH 2014(1.000đ) | TH 2014(1.000đ) | So Sánh (%) |
| TH 2013 | KH 2014 |
| 1- Tổng doanh thu  | 49.148.315 | 48.000.000 | 56.263.488 | 114,48 | 117,22 |
| Trong đó : Doanh thu về bán hàng hóa, DV  | 48.553.873 | 48.000.000 | 55.526.562 | 121,36 | 115,68 |
| 2- Tổng chi phí | 48.635.878 | 46.400.000 | 55.751.691 | 114,63 | 120,15 |
| Trong đó:Giá vốn hàng bán | 43.750.108 | 42.000.000 | 50.726.562 | 115,95 | 120,78 |
| 3- Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần | 90,11 | 87,50 | 90,98 | 100,96 | 103,97 |
| 4- Lợi nhuận trước thuế | 512.437 | 1.600.000 | 511.797 | 99,88 | 31,99 |

Năm 2014, mặc dù Ban giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, nhưng kết quả đem lại chưa được như mong đợi. Tổng doanh thu tăng 14,48% với cùng kỳ năm trước, đạt 117,22% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế tương đương với cùng kỳ, nhưng chỉ đạt 31,99% so với kế hoạch. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 như nêu trên là do các nguyên nhân chủ yếu sau :

* Năm 2014 kinh tế cả nước nói chung, Tỉnh Bình Định nói riêng vẫn còn nhiều khó khăn, giá cả tăng cao, sức mua của người tiêu dùng giảm, cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Thị trường sách, lịch trên địa bàn tỉnh chịu sự cạnh tranh rất gay gắt và luôn trong tình trạng bất ổn do đó Công ty phải đề ra các biện pháp, cơ chế, chính sách uyển chuyển, linh hoạt, phù hợp với thị trường đẩy mạnh hoạt động kinh doanh cố gắng tăng doanh thu, giữ thị phần tại địa phương. Gía vốn và chi phí đầu vào đều tăng cao theo thị trường làm giảm tỉ lệ lãi gộp dẫn đến lợi nhuận năm 2014 thấp
* Cơ cấu tổ chức còn cồng kềnh,chưa hợp lý, năng suất lao động chưa cao.
* Chưa khai thác triệt để lợi thế của doanh nghiệp.Cơ cấu vốn còn bất hợp lý, bất động sản còn chiếm tỷ trọng lớn.

***2. Tổ chức và nhân sự***

 - **Ban điều hành của Công ty gồm 03 người:**

 01 Giám đốc - 01 Phó giám đốc - 01 Kế toán trưởng gồm các ông, bà sau:

 - Ông Phạm Đình Thuấn - Giám đốc Công ty

 - Ông Đỗ Hữu Long - Phó giám đốc Công ty

 - Bà Diệp Cẩm Nhung - Kế toán trưởng

**- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành**

\* Ông : Phạm Đình Thuấn - Chức vụ: Thành viên HĐQT – Giám đốc công ty

 Sinh ngày: 16 – 02 – 1964

 Quê quán: Nhơn Mỹ, An Nhơn, Bình Định

 Địa chỉ thường trú: 11/4 Ngô Mây, Tp Quy Nhơn, Bình Định

 Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán

 Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân : 14.500 cổ phần

 Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không

\* Ông : Đỗ Hữu Long – Chức vụ : Thành viên HĐQT – Phó GĐ Công ty

 Sinh ngày: 04 – 06 – 1959

 Quê quán: Nhơn Hạnh, An Nhơn , Bình Định

 Địa chỉ thường trú: 15 Trần Nguyên Đán, Tp Quy Nhơn, Bình Định

 Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán

 Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 16.000 cổ phần

 Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan

 Vợ : Võ thị Ngọc Nga ; số lượng cổ phần sở hữu: 4.400 cổ phần

 \* Bà: Diệp Cẩm Nhung - Chức vụ : Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng

 Sinh ngày: 24 – 07 -1968

 Quê quán: Xã Hoài Xuân, Hoài Nhơn, Bình Định

 Địa chỉ: 216 Nguyễn Thị Định, Tp Quy Nhơn, Bình Định

 Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính – Kế toán

 Số lượng cổ phần thuộc sở hữu cá nhân: 1.896 cổ phần

 Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không

Tổng số công nhân viên của Công ty hiện có đến tại thời điểm 31/12/2014 là 44 người. Trong đó, cán bộ quản lý 5 người.

+ Chính sách đối với người lao động :

- Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng và thực hiện Quy chế lương, thưởng trong toàn Công ty theo đúng quy định. Mức lương trả cho người lao động được xây dựng trên cơ sở mức lương tối thiểu trên địa bàn tỉnh. Mức thu nhập bình quân năm 2014 là 3.600.000đ…

…..

***3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:***

 Trong năm 2014 Công ty không có khoản đầu tư và dự án nào lớn

***4. Tình hình tài chính***

 ***\** Tình hình tài chính**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | TH 2013((1.000đ) | TH 2014(1.000đ) | % tăng giảm |
|
| 1- Tổng giá trị tài sản  | 16.100.108 | 15.303.753 | - 4,95 |
| 2- Doanh thu thuần | 48.553.873 | 55.526.956 | +14,36 |
| 3- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 283.406 | 146.844 | - 48.18 |
| 4- Lợi nhuận khác | 229.031 | 364.953 | +59,35 |
| 5- Lợi nhuận trước thuế | 512.437 | 511.797 | - 0,12 |
| 4- Lợi nhuận sau thuế | 401.630 | 393.139 | - 2,11 |
| 5- Tỷ lệ trả cổ tức | 3% | 3% |  |
|  |  |  |  |

**\* Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

* Khả năng thanh toán : Năm 2013(%) Năm 2014(%)

- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn) 2,79 3,38

- Hệ số T.toán nhanh [(TSNH – hàng tồn kho)/Nợ N.hạn] 1,33 1,83

**\* Năng lực hoạt động**

- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản 301,57 362,83

- Vòng quay hàng tồn kho 7,12 9,66

\* **Cơ cấu tài sản**

- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản 67,58 68,19

- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản 32,42 31,81

\* **Cơ cấu nguồn vốn**

* Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn 24,2 20,18
* Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn 75,8 79,82
* Khả năng sinh lời :

 Năm 2013(%) Năm 2014(%)

- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần : 0,83 0,71

- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu 3,29 3,22

- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản 2,49 2,57

- Hệ số lợi nhuận từ HĐ kinh doanh/Doanh thu thuần 0,58 0,26

**\* Những thay đổi về vốn cổ đông.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **Cơ cấu vốn cổ đông tại thời điểm 02/03/2014** | Số Cổ phần | Giá trị (1000đ) | Tỷ lệ |
| 1- Cổ đông là Nhà nước (NXBGDVN) | 452.523 | 4.525.230 | 40,17 |
| 2- Cổ đông nội bộ | 37.122 | 371.220 | 3,3 |
| HĐQT, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng | 32.396 | 323.960 | 2,88 |
| Ban Kiểm soát | 4.726 | 47.260 | 0,42 |
| 3- Cổ đông trong Công ty | 131.824 | 1.318.820 | 11,70 |
| Tập thể | 18.000 | 180.000 | 1,60 |
| CBCVN | 113.824 | 1.138.240 | 10,10 |
| 4- Cổ đông ngoài Công ty | 542.127 | 5.421.270 | 48,13 |
| Cá nhân | 250.177 | 2.501.770 | 22,21 |
| Tổ chức | 291.950 | 2.919.500 | 25,91 |
| **Cộng ,** | **1.126.474** | **11.264.740** | **100,00** |

\* Tổng số cổ phiếu đến thời điểm 31/12/2014 : 1.126.474 cổ phiếu. Trong đó

 - Tổng số cổ phiếu thường : 1.126.474 cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu ưu đãi : Không

\* Tổng số trái phiếu đang lưu hành đến thời điểm 31/12/2014 : Không (theo từng loại trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...)

\* Số lượng cổ phiếu đang lưu hành đến thời điểm 31/12/2014 là: 1.126.474 cổ phiếu.

\* Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại : Không

\* Cổ tức : cổ tức công bố chia cho cổ đông là : 3%/năm, tương đương với số tiền là : 337.942.200đ

**III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

***1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh***

Năm 2014, mặc dù Nhà nước đã có nhiều giải pháp để ổn định kinh tế, lãi vay ngân hàng giảm, nền kinh tế đã bắt đầu hồi phục nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức; giá các mặt hàng có nhiều biến động, đặc biệt là chi phí vận chuyển tăng cao, thị trường cạnh tranh gay gắt. Trong năm 2014 Công ty đã cố gắng phấn đấu thực hiện nhiệm vụ công tác của mình và đã đạt được một số kết quả . Cụ thể các chỉ tiêu như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | TH 2013(1.000đ) | KH 2014(1.000đ) | TH 2014(1.000đ) | So Sánh (%) |
| TH 2013 | KH 2014 |
| 1- Tổng doanh thu  | 49.148.315 | 48.000.000 | 56.263.488 | 114,48 | 117,22 |
| Trong đó : Doanh thu về bán hàng hóa, DV : | 48.553.873 | 48.000.000 | 55.526.562 | 121,36 | 115,68 |
| 2- Tổng chi phí | 48.404.764 | 46.400.000 | 55.751.691 | 114,63 | 120,15 |
| Trong đó:Giá vốn hàng bán | 43.750.108 | 42.000.000 | 50.726.562 | 115,95 | 120,78 |
| 3- Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần | 90,11 | 87,50 | 90,98 | 100,96 | 103,97 |
| 4- Lợi nhuận trước thuế | 512.437 | 1.600.000 | 511.797 | 99,88 | 31,99 |
| 5- Lợi nhuận sau thuế | 403.143 | 1.248.000 | 393.139 | 97,52 | 31,50 |

Năm 2014, Ban giám đốc Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, chủ động tìm biện pháp mở rộng địa bàn tiêu thụ. Thực hiện tốt chính sách bán hàng thu tiền ngay có chiết khấu cao để chiếm lĩnh thị trường sách giáo khoa, thực hiện cơ chế giá bán văn phòng phẩm linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng khách hàng do đó đã hoàn thành kế hoạch doanh thu tăng 14,48% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 97,52% (giảm 10,004 triệu đồng) so với năm 2013 do các nguyên nhân sau:

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ đạt 146,844 triệu đồng giảm 48,19% so với năm 2013 do năm 2014 giá vốn nhóm hàng sách gíao khoa tăng ( do NXB giảm chiết khấu bán hàng). Lợi nhuận từ thu nhập khác năm 2014 tăng 59,35% so với năm 2013 (tăng 135,921 triệu đồng) do tăng từ thu nhập cho thuê nhà . Thuế TNDN năm 2014 tăng 7,08% (7,85 triệu đồng) do năm 2013 Công ty được hưởng thuế TNDN ưu đãi 20% của đơn vị phát hành sách là 20% đối với nhóm hàng sách.

Về công tác thu hồi nợ: Tuy số nợ phải thu của khách hàng thời điểm cuối năm 2014 tăng 10,9% (tăng 265,35 triệu đồng) nhưng phần lớn là do bán hàng vào thời điểm cuối năm , khách hàng chưa thanh toán kịp ( gần 1 tỷ đồng). Như vậy công tác thu hồi nợ năm 2014 nhìn chung đã thực hiện tốt.

***Những tiến bộ Công ty đã đạt được***

- Giữ vững và mở rộng thị trường tiêu thụ;

- Sử dụng mặt băng của Công ty có hiệu quả hơn;

- Đã xây dựng và điều chỉnh các quy định nội bộ để phù hợp với tình hình thực tế, làm cơ sở thực hiện thống nhất trong toàn Công ty.

**2. Tình hình tài chính**

**- Tình hình tài sản:**

 **BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT NĂM 2014:**

| **TÀI SẢN** | Số cuối năm(31/12/2014) | Số đầu năm(31/12/2013) |
| --- | --- | --- |
| **A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**  | **10.435.617.182** | **10.880.707.315** |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền  | 2.776.223.634 | 2.379.159.796 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn  | 2.854.647.924 | 2.697.275.186 |
| III. Hàng tồn kho  | 4.792.864.374 | 5.708.512.386 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác  | 11.881.250 | 95.759.947 |
| **B. TÀI SẢN DÀI HẠN**  | **4.868.136.317** | **5.219.400.896** |
| I. Các khoản phải thu dài hạn  |  |  |
| II. Tài sản cố định Trong đó:1- Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình+ Nguyên giá TSCĐ hữu hình+ Giá trị hao mòn lũy kế2 – Giá trị còn lại TSCĐ vô hình+ Nguyên giá TSCĐ vô hình+ Giá trị hao mòn lũy kế3 – Chi phí XDCB dở dang | 4.842.836.2791.208.924.1665.429.706.523(4.400.782.357)3.813.912.1134.108.352.900(294.440.787) | 5.151.327.9361.253.886.8835.789.706.523(4.535.819.640)3.897.441.0534.108.352.900(210.911.847) |
| III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn  |  |  |
| IV. Tài sản dài hạn khác  | 25.300.038 | 68.072.960 |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN**  | **15.303.753.499** | **16.100.108.211** |
| **C. NỢ PHẢI TRẢ**  | **3.088.101.091** | **3.896.249.977** |
| I. Nợ ngắn hạn  | 3.086.101.091 | 3.894.249.977 |
| II. Nợ dài hạn  | 2.000.000 | 2.000.000 |
| **D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**  | **12.215.652.408** | **12.203.858.234** |
| I. Vốn đầu tư chủ sở hữu  | 11.264.740.000 | 11.264.740.000 |
| II. Nguồn kinh phí, quỹ khác  |  |  |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**  | **15.303.753.499** | **16.100.108.211** |

Tổng tài sản cuối năm giảm 4,95% so với đầu năm. Trong đó chủ yếu là giảm hàng tồn kho.

* **Tình hình nguồn vốn**

Nguồn vốn cuối năm 2014 giảm so với cuối năm 2013. Trong đó chủ yếu là giảm khoản nợ phải trả, gồm: Nợ vay ngân hàng, nợ thuế và nợ khác.

***3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.***

***+Phương hướng chung.***

* Thực hiện các nhóm giải pháp về nâng cao tỷ trọng bán lẻ, giảm chiết khấu bán hàng nhưng phải giữ vững thị trường;
* TIếp tục thực hiện việc tái cơ cấu vốn, giảm tủ trọng vốn cố định. Chuyển nhượng nhà 414 Trần Hưng Đạo, nhà 236 Phan Bội Châu Tp . Quy Nhơn; giao khoán hoặc bán một số cửa hàng có hiệu quả kém;
* Tiếp tục khai thác lợi thế về mặt bằng của Công ty như: cho thuê; liên doanh, liên kết đầu tư xây dựng trường mẫu giáo hoặc các dịch vụ mà Nhà nước không cấm;
* Tiếp tục cơ cấu lại bộ máy, tinh giảm lao động theo phương châm tinh gọn để nâng cao năng suất lao và thu nhập.

***+ Các chỉ tiêu kế hoạch 2015.***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu | TH 2014(1.000đ) | KH 2015(1.000đ) |
| 01 | Tổng doanh thu .  | 56.263.488 | 51.000.000 |
| 06 | Lợi nhuận  | 511.797 | 1.500.000 |
| 07 | Cổ tức (%) | 3 | 8 |

# IV.ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

 Năm 2014, Ban giám đốc và toàn Công ty cố gắng phấn đấu để thực hiện nhiệm vụ SXKD. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Doanh thu đạt và vượt kế hoạch đề ra nhưng lợi nhuận và cổ tức đạt ở mức thấp so với chỉ tiêu kế hoạch.

 Ban giám đốc của Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, không để ra sai phạm trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách đầy đủ, thực hiện tốt chính sách cho người lao động, đảm bảo đời sống cho người lao động trong doanh nghiệp, thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác xã hội.

**Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

* Tiếp tục giữ vững mức độ tăng trưởng doanh thu như năm 2014; nâng cao tỷ trọng bán lẻ, giảm chiết khấu.
* Đi sâu cải tổ, xem xét cơ cấu lại các cửa hàng kinh doanh không có hiệu quả.
* Tận dụng lợi thế sẵn có của Công ty
* Kiên quyết trong khâu chỉ đạo, điều hành. Tiếp tục, sắp xếp, tinh giảm bộ máy

**V. Quản trị Công ty**

+ Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên. Trong đó có 02 thành viên là không tham gia trực tiếp điều hành. Hai thành viên này đại diện cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng, 03 thành viên tham gia trực tiếp điều hành công ty.

+ Số lượng cổ phiếu, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên thành viên HĐQT** | **Chức vụ** | **Cuối năm** |
| **Số CP** | **Tỷ lệ %** |
| 1 | Đại diện Nhà xuất bản giáo dục Việt NamÔng Hồ Phú Cường | Thành viên | 452.523 | 40,17 |
| 2 | Đại diện Công ty CP đầu thư và giáo dục Đà NẵngÔng Hồ Văn Lĩnh | Chủ tịch | 291.950 | 25,92 |
| 3 | Ông Phạm Đình Thuấn | Thành viên | 14.500 | 1,29 |
| 4 | Ông Đỗ Hữu Long | Thành viên | 16.000 | 1,42 |
| 5 | Bà Diệp Cẩm Nhung | Thành viên | 1.896 | 0,17 |

+ Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên : Không

+ Hoạt động của HĐQT .

Hội đồng quản trị công ty tuân thủ các quy định điều hành và Điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 và theo dõi các họat động.

 Năm 2014, HĐQT tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ và 01 cuộc họp đột xuất

- Họp Hội đồng quản trị đột xuất: Thông qua kết quả kinh doanh và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013

**- Lần 1:** Họp HĐQT nghe Giám đốc báo cáo kết quả hoạt động SXKD, phương án phân chia lợi nhuận sau thuế 2013 , xây dựng kế hoạch và biện pháp tổ chức thực hiện SXKD năm 2014. **–** HĐQT bàn bạc thời gian, địa điểm, chốt danh sách cổ đông, chuẩn bị các báo cáo, tài liệu liên quan để tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2014.

**- Lần 2:** Họp HĐQT đánh giá kết quả Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 và giao các chỉ tiêu SXKD, lợi nhuận … như Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 đã được thông qua cho Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện.

Giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch quý I năm 2014, xây dựng kế hoạch quý II năm 2014, đề ra các biện pháp, giải pháp thực hiện kế hoạch và xây dựng đơn giá tiền lương năm 2014

**- Lần 3:** Họp HĐQT nghe Giám đốc công ty báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch quý II và 6 tháng đầu năm 2014, xây dựng kế hoạch quý III năm 2014, đề ra các biện pháp, giải pháp thực hiện nhiệm vụ SXKD đạt hiệu quả. Báo cáo phương án bán 02 xe tải sắp hết niên hạn sử dụng

**- Lần 4:** Họp thường kỳ quý III và 9 tháng đầu năm 2014 : Giám đốc Công ty báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch quý III và 9 tháng đầu năm 2014, xây dựng kế hoạch quý IV năm 2014, đề ra các biện pháp, giải pháp thực hiện nhiệm vụ SXKD đạt hiệu quả.

Công ty đã bán 01 xe tải hiệu Huyndai đã gần hết niên hạn sử dụng theo đúng quy định

+ Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành.

Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành của Công ty là hai thành viên đại diện cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Hai thành viên này tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT được tổ chức và rất có trách nhiệm trong việc thảo luận, phát biểu ý kiến của mình về vấn đề mà cuộc họp bàn bạc.

Ngoài ra, các thành viên trên còn tích cực và thường xuyên, nắm bắt các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty để có đề xuất phát huy hoặc chấn chỉnh một cách kịp thời

+ Ban Kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên. Trong đó không có thành viên nào kiêm nhiệm các chức vụ điều hành Công ty.

+ Hoạt động của Ban kiểm soát :

* Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát các hoạt của HĐQT, Ban Giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cẩn trọng trong quản lý, điều hành Công ty.
* Trên cơ sở nắm chắc tình hình thực tế, hàng quý Ban kiểm soát tiến hành họp và đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý.
* Hàng tháng, quý trực tiếp tham gia kiểm kê quỹ tiền mặt, tiền gửi, kho hàng hóa.
* Hàng quý, năm Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định và có ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh.

 + Thù lao của Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát: Tổng tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2014 là: 20.390.369đ

 + Lương của Ban Giám đốc : Tổng tiền lương của Ban Giám đốc nhận trong năm 2014 là : 246.510.000đ, Trong đó:

 Giám đốc: 106.300.000đ

 Phó giám đốc: 82.900.000đ

 Kế toán trưởng: 82.900.000đ

|  |
| --- |
|  |

+ Tiền thưởng : Được hưởng theo Quy chế khen thưởng chung của Công ty.

+ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không

+ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ***Ý kiến kiểm toán***

+ Đơn vị kiểm toán độc lập : là Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC .

- Trụ sở chính tại 217 Nguyễn Văn Linh, TP. Đà Nẵng.

- Điện thoại : 0511.3655886, Fax : 0511.3655887.

- Website : [www.aac..com.vn](http://www.aac..com.vn);

- Email : aac@dng.vnn.vn.

+ Ý kiến kiểm toán viên : Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

- Các nhận xét đặc biệt khác : không

**Lâm Quang Tú Nguyễn thị Thuý**

Phó tổng giám đốc (đã ký) Kiểm toán viên (đã ký)

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1 Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI K Ế TOÁN**

**NĂM 2014**



######



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**NĂM 2014**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**NĂM 2014**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NĂM 2014**

1. **Đặc điểm hoạt động**

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách và Thiết bị Bình Định tại Quyết định số 485/QĐ-CTUBND ngày 28 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000141 ngày 02 tháng 07 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/05/2012 với mã số doanh nghiệp là 4100259437.

***Ngành nghề kinh doanh chính***

* Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (Chi tiết: Mua bán sách giáo khoa, sách các loại, văn phòng phẩm);
* Khách sạn;
* Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;
* Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
* Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
* Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
* Mua bán văn hóa phẩm, vật phẩm văn hóa;
* In lụa;
* Sản xuất và mua bán thiết bị dạy học, dạy nghề, thiết bị điện tử, vi tính, công nghệ thông tin, phần mềm tin học và thiết bị văn phòng;
* Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, vật tư ngành giáo dục;
* Sản xuất và mua bán bao bì các loại, sản phẩm gỗ;
* Mua bán dụng cụ thể thao, đồ chơi trẻ em;
* Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô.

 *(Hoạt động phải đảm bảo điều kiện và Giấy phép kinh doanh theo quy định)*

1. **Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

1. **Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**
	1. ***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

* 1. ***Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

* 1. ***Hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

* 1. ***Tài sản cố định hữu hình***

***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

***Khấu hao***

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

|  |  |
| --- | --- |
| Loại tài sản | Thời gian khấu hao (năm) |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 25 |
| Máy móc, thiết bị | 6 |
| Phương tiện vận tải | 8 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 4 |

* 1. ***Tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

* Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
* Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

* 1. ***Chi phí trả trước dài hạn***

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

* 1. ***Các khoản phải trả và chi phí trích trước***

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

* 1. ***Chi phí đi vay***

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong năm.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm khi phát sinh.

* 1. ***Phân phối lợi nhuận thuần***

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

* 1. ***Ghi nhận doanh thu***
* Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
* Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
* Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
* Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
* Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
	1. ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

* 1. ***Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng***
* Thuế giá trị gia tăng:
* Sách giáo khoa và sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
* Sách tham khảo không bổ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị đồ dùng dạy học, từ điển: Áp dụng mức thuế suất là 5%;
* Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
* Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 22%.
* Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.
	1. ***Công cụ tài chính***

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gởi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

* 1. ***Các bên liên quan***

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

1. **Tiền**



1. **Các khoản phải thu khác**



1. **Hàng tồn kho**

****

1. **Chi phí trả trước ngắn hạn**

****

1. **Tài sản cố định hữu hình**

****

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là 1.453.697.400 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2014 là 348.582.400 đồng.

1. **Tài sản cố định vô hình**

****

* Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách An Nhơn có nguyên giá 187.048.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 08/03/2050.
* Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách Tây Sơn có nguyên giá 120.137.500 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 29/05/2050.
* Quyền sử dụng đất tại Hiệu sách Hoài Nhơn có nguyên giá 112.815.400 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 28/03/2050.
* Quyền sử dụng đất tại 414 Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định có nguyên giá 3.688.352.000 đồng và thời hạn sử dụng đến ngày 23/12/2061.
1. **Chi phí trả trước dài hạn**

****

1. **Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

1. **Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

****

1. **Vốn chủ sở hữu**
	1. **Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

****

* 1. **Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

****

* 1. **Cổ phiếu**

****

* 1. **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

****Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2014 số 03/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2014 và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2015/NQ-HĐQT ngày 10/01/2015.

* 1. **Cổ tức**

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 28/03/2014 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 3%/vốn điều lệ (tương ứng 337.942.200 đồng). Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này từ ngày 07/04/2014.

1. **Doanh thu**

****

1. **Giá vốn hàng bán**

****

1. **Doanh thu hoạt động tài chính**

****

1. **Chi phí tài chính**

****

1. **Thu nhập khác**

****

1. **Chi phí khác**

****

1. **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm**
2. **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**



1. **Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**



1. **Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là mua bán sách và thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Định,Việt Nam.

1. **Công cụ tài chính**
2. **Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

1. **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Đến thời điểm 31/12/2014, Công ty đã hết số dư nợ vay. Do đó Công ty không có rủi ro về biến động lãi suất.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chủ yếu mua sách giáo khoa, sách tham khảo, thiết bị giáo dục từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động kinh doanh do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa mua vào. Tuy nhiên, giá cả của các loại hàng hóa này thường ít biến động, các hàng hóa thường tiêu thụ trong thời gian ngắn kể từ khi mua nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các phòng giáo dục, các trường học trong Tỉnh Bình Định, các đại lý sách, các cửa hàng sách và bán lẻ sách tại các quầy. Với đặc thù chủ yếu là khách hàng thường xuyên và giao dịch với Công ty trong nhiều năm, tình hình thanh toán tiền hàng kịp thời, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,…

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

 *Đơn vị tính: VND*

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

 *Đơn vị tính: VND*



1. **Thông tin với bên liên quan**

**a. Các bên liên quan**

****

**b. Nghiệp vụ trọng yếu với các bên có liên quan**

****

**c. Số dư trọng yếu với các bên liên quan**

****

**d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

****

1. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

1. **Số liệu so sánh**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi AAC.

 **GIÁM ĐỐC**

 **Phạm Đình Thuấn**